

Những điểm đáng chú ý của Thông tư mới về dịch vụ trung gian thanh toán

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 40/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ("**Thông tư 40**"). Thông tư 40 có hiệu lực thi hành từ ngày 17/7/2024 và thay thế cho Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm ("**Thông tư 39**").

Thông tư 40 quy định cụ thể về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ("**TGTT**"), được quy định chung tại Luật các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024, Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt. Theo Nghị định 52, dịch vụ TGTT bao gồm: dịch vụ chuyển mạch tài chính ("**CMTC**"), dịch vụ CMTC quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử ("**BTĐT**"), dịch vụ ví điện tử ("**VĐT**"), dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ ("**HTTHCH**") và dịch vụ công thanh toán điện tử.

So sánh với Thông tư 39, Thông tư 40 có nhiều quy định mới đáng chú ý như sau:

1. Phạm vi sử dụng dịch vụ trung gian thanh toán

Thông tư 40 làm rõ quy định dịch vụ TGTT (trừ dịch vụ CMTC) được sử dụng cho các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; bao gồm cả trường hợp thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.

2. Dịch vụ bù trừ điện tử

(a) Cam kết với NHNN

Thông tư 40 sửa đổi quy định theo đó tổ chức BTĐT phải có văn

bàn cam kết với Sở Giao dịch – Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) (thay vì Tổ chức chấp trì BTĐT theo quy định tại Thông tư 39) và việc thực hiện vay thanh toán bù trừ trong trường hợp không đủ khả năng chi trả tại thời điểm quyết toán và chịu trách nhiệm toàn bộ và việc nhận nợ và hoàn trả nợ vay (bao gồm cả gốc và lãi) cho NHNN.

(b) Hạn mức BTĐT

Thông tư 40:

(i) bổ sung quy định Tổ chức chấp trì BTĐT phải xây dựng và ban hành quy chế nội bộ và tổ chức và vận hành Hệ thống BTĐT, bao gồm nội dung và quy trình thiết lập, điều chỉnh và quản lý hạn mức BTĐT cho thành viên quyết toán tham gia Hệ thống BTĐT;

(ii) sửa đổi quy định và thiết lập hạn mức BTĐT, theo đó việc thiết lập hạn mức BTĐT cho thành viên quyết toán sẽ được Tổ chức chấp trì BTĐT thực hiện theo định kỳ hàng tháng vào ngày làm việc đầu tiên của tháng, thay cho thiết lập 1 lần theo quy định tại Thông tư 39;

(iii) bổ sung các quy định:

- Trong ngày làm việc, thành viên quyết toán được yêu cầu điều chỉnh tăng hạn mức BTĐT tạm thời trong ngày để đáp ứng nhu cầu thanh toán; và
- Trong trường hợp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của thành viên quyết toán, Tổ chức chấp trì BTĐT xem xét điều chỉnh giảm hạn mức BTĐT tạm thời trong ngày của thành viên quyết toán:
- Cách thức xác định hạn mức BTĐT tạm thời trong ngày thực hiện như cách thức xác định hạn mức nợ rỗng tạm thời trong ngày của các thành viên tham gia dịch vụ thanh toán giá trị thấp của Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng;
- Kết thúc ngày giao dịch, hạn mức BTĐT tạm thời trong ngày được điều chỉnh và hạn mức BTĐT.

3. Dịch vụ ví điện tử

(a) Đối tượng khách hàng sử dụng VĐT

Thông tư 40 quy định rõ tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT không được mở VĐT cho chính mình.

(b) Hồ sơ mở VĐT

Thông tư 40 bổ sung

(i) Thỏa thuận mở và sử dụng VĐT mà phải bao gồm tối thiểu các nội dung bắt buộc vào Hồ sơ mở VĐT và căn cước điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02) vào tài liệu, thông tin, dữ liệu và giấy tờ tùy thân của khách hàng.

(ii) Quy định về việc thu thập, lưu giữ hồ sơ mở VĐT phải đáp ứng yêu cầu, trong đó cho phép trường hợp các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ này bằng tiếng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT được thỏa thuận với khách hàng về việc dịch hoặc không dịch ra tiếng Việt nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc sau: Tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT phải kiểm tra, kiểm soát và chịu trách nhiệm xác nhận về nội dung của các tài liệu, thông tin, dữ liệu bằng tiếng nước ngoài đảm bảo đáp ứng đủ các thông tin yêu cầu cung cấp tại Thông tư 40; Các tài liệu, thông tin, dữ liệu nói trên phải được dịch khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; Bên dịch phải có xác nhận của người có thẩm quyền của tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT hoặc phải được công chứng hoặc chứng thực.

Thông tư 40 cũng lần đầu tiên quy định trường hợp thỏa thuận mở và sử dụng VĐT theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT phải:

(i) Niêm yết công khai mẫu thỏa thuận, điều kiện giao dịch chung tại địa điểm giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng giao dịch VĐT trên Internet, điện thoại di động (nếu có) của tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT;

(ii) Cung cấp đầy đủ thông tin về mẫu thỏa thuận, điều kiện giao dịch chung cho khách hàng và có biện pháp để xác nhận việc khách hàng đã đọc và đồng ý là đã được cung cấp đầy đủ thông tin.

(c) Trình tự, thủ tục mở VĐT và việc liên kết VĐT với tài khoản Ngân hàng Việt Nam, thủ ghi nợ của chính khách hàng tại ngân hàng liên kết

Thông tư 40 quy định cụ thể, rõ ràng hơn trình tự, thủ tục mở VĐT, đặc biệt là việc mở VĐT bằng phương tiện điện tử trong đó yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT phải:

(i) Thu thập thông tin sinh trắc học của chủ VĐT đối với khách hàng cá nhân và thông tin sinh trắc học của người đại diện hợp pháp đối với khách hàng tổ chức; và

(ii) Tự quyết định biện pháp, hình thức, công nghệ phục vụ việc mở VĐT bằng phương tiện điện tử, tự chịu rủi ro phát sinh (nếu có) và phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu bao gồm: (i) Biện pháp, hình thức, công nghệ được tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT lựa chọn phải đảm bảo tiêu chuẩn về an ninh, an toàn, bảo mật theo quy định của NHNN; (ii) Xác nhận việc khách hàng chấp thuận với các nội dung tại thỏa thuận mở và sử dụng VĐT;

cũng như việc liên kết VĐT với tài khoản Ngân hàng Việt Nam, thủ ghi nợ của chính khách hàng tại ngân hàng liên kết.

(d) Sử dụng dịch vụ VĐT

Thông tư 40:

(i) Nêu rõ tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT không được nhận tiền mặt từ khách hàng để nạp tiền vào VĐT; và bổ sung việc nạp tiền vào VĐT được thực hiện thông qua: Nộp tiền mặt vào TKĐBTT của tổ chức cung ứng dịch vụ TGT (cho dịch vụ VĐT) mở tại NHHT; Nhận tiền từ tài khoản Ngân hàng Việt Nam mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Nhận tiền từ VĐT khác ngoài hệ thống (do tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT khác mở).

(ii) Bổ sung việc cho VĐT được sử dụng VĐT để chuyển tiền đến VĐT khác ngoài hệ thống (do tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT khác m);

(iii) Quy định rõ nghĩa vụ của tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT phải hoàn trả tiền cho cho VĐT trong một số trường hợp như: Tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT chấm dứt cung ứng dịch vụ VĐT cho khách hàng, chấm dứt hoạt động, bị thu hồi Giấy phép, giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật; Chi trả thừa kế theo quy định của pháp luật khi cho VĐT là cá nhân chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(e) Hạn mức giao dịch qua VĐT

Giống như Thông tư 39, Thông tư 40 quy định tổng hạn mức giao dịch qua các VĐT cá nhân của 01 khách hàng tại 01 tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT tối đa là 100.000.000 đồng Việt Nam trong một tháng; tuy nhiên bổ sung rằng tổng hạn mức nói trên không áp dụng đối với các giao dịch sau: Thanh toán trực tuyến trên Công Dịch vụ công quốc gia; Điện; Nước; Viễn thông; Các loại phí, giá, tiền dịch vụ liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện giao thông đường bộ; Học phí; Viện phí; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phí bảo hiểm theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm; Chi trả các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(f) Sử dụng TKĐBTT cho dịch vụ VĐT

Ngoài các tình huống đã được quy định tại Thông tư 39, Thông tư 40 bổ sung thêm các trường hợp sau:

(i) Chuyển tiền đến TKĐBTT cho dịch vụ VĐT của tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT khác;

(ii) Tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT được rút tiền phí mà các bên khu trừ từ TKĐBTT cho dịch vụ VĐT trong trường hợp các bên liên quan khu trừ trực tiếp tiền phí dịch vụ trên VĐT. Tổ

chức cung ứng dịch vụ VĐT phải thỏa thuận với NHHT và biện pháp chứng minh, đảm bảo số tiền rút từ TKĐBTT là số tiền phí được các bên khẫu trừ trong giao dịch VĐT.

4. Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ

Thông tư 40 bổ sung quy định trước khi cung ứng dịch vụ cho khách hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ HTTHCH phải:

(a) Ký hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng hợp tác, các bên liên quan phù hợp với nội dung Giấy phép đã được NHNN cấp và quy định tại Thông tư 40;

(b) Thực hiện các nội dung và đảm bảo an toàn trong cung ứng dịch vụ TGTТ được quy định tại Thông tư 40;

(c) Có biện pháp thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ để đảm bảo khả năng thanh toán cho đơn vị chấp nhận thanh toán;

và làm rõ hơn tổ chức cung ứng dịch vụ HTTHCH phải phải hợp với NHHT xây dựng cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán, tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Cơ chế mở và duy trì số dư TKĐBTT cho dịch vụ HTTHCH, đảm bảo tách bạch với TKĐBTT của dịch vụ khác và các tài khoản thanh toán khác mở tại NHHT; (ii) Mục đích sử dụng TKĐBTT cho dịch vụ HTTHCH; (iii) Các biện pháp đảm bảo khả năng thanh toán khác (nếu có) ngoài TKĐBTT.

5. Đảm bảo an toàn, bảo mật trong cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

Thông tư 40 yêu cầu đảm bảo an toàn, bảo mật trong cung ứng dịch vụ TGTТ, theo đó trước khi cung ứng dịch vụ cho khách hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTТ phải:

(a) Ban hành các quy trình nội bộ liên quan đến dịch vụ TGTТ, tối thiểu bao gồm:

- Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ TGTТ, tối thiểu bao gồm các nội dung bắt buộc;

- Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ, trong đó có các nội dung bao gồm: mục đích; yêu cầu; trình tự thực hiện; trách nhiệm của bộ phận liên quan;
- Quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật, bao gồm các nội dung bắt buộc;
- Các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phi biên vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp tuân thủ theo quy định của NHNN và cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt và phải quy định rõ các nội dung bắt buộc;
- Đối với dịch vụ VĐT: quy định nội bộ về các biện pháp xử lý để ngăn chặn khách hàng sử dụng VĐT khi chưa liên kết hoặc không còn liên kết VĐT với tài khoản Đồng Việt Nam hoặc thủ ghi nợ của chính khách hàng, v.v.;
- Đối với dịch vụ CMTCQT quốc tế: quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn hệ thống thanh toán quốc tế để kết nối thực hiện CMTC các giao dịch thanh toán quốc tế; quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ với các biện pháp quản lý rủi ro đối với dịch vụ CMTCQT;

và thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ nêu trên, đảm bảo phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ TGT và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;

(b) Công bố công khai trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức đó các nội dung sau: các dịch vụ TGT đã được NHNN cấp Giấy phép; hình thức cung ứng dịch vụ TGT của tổ chức; tên/thương hiệu của các dịch vụ TGT của tổ chức;

(c) Tuân thủ yêu cầu kỹ thuật về an toàn bảo mật đối với trang thiết bị phục vụ thanh toán thủ ngân hàng; yêu cầu về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng; yêu cầu về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng; triển khai các giải pháp an toàn, bảo mật trong thanh toán trực tuyến và thanh toán thủ ngân hàng;

(d) Đảm bảo việc hạch toán, theo dõi các khoản thu/chi liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ TGTТ tách bạch với các hoạt động kinh doanh khác (nếu có) của tổ chức cung ứng dịch vụ TGTТ; đảm bảo việc hạch toán, theo dõi riêng, tách bạch từng dịch vụ TGTТ được NHNN cấp Giấy phép;

(e) phải thực hiện trách nhiệm đối với đơn vị chấp nhận thanh toán như trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đối với đơn vị chấp nhận thanh toán theo quy định của NHNN và cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt nếu ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận trực tiếp với đơn vị chấp nhận thanh toán (hợp đồng hoặc thỏa thuận không có NHHT tham gia);

(f) phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức khác là tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ (sau đây gọi là “đối tác”), trong đó bao gồm tối thiểu những nội dung bắt buộc, nếu hợp tác với đối tác. Riêng tổ chức cung ứng dịch vụ VĐT trước khi cung ứng dịch vụ cho khách hàng phải ký hợp đồng hoặc thỏa thuận với NHHT, các bên liên quan phù hợp với nội dung Giấy phép đã được NHNN cấp.

6. Cung ứng dịch vụ TGTТ có yếu tố nước ngoài

Thông tư 40 bổ sung các quy định sau:

(a) Giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam

Trường hợp tổ chức nước ngoài cung ứng dịch vụ TGTТ cho khách hàng là người không cư trú và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam:

(i) Tổ chức nước ngoài phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được NHNN chấp thuận tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức nước ngoài đó) thì thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

(ii) Khi hợp tác với tổ chức nước ngoài, ngân hàng thương mại,

chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có thông tin xác thực về việc tổ chức nước ngoài là đối tượng chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia mà tổ chức nước ngoài đặt trụ sở hoặc được cấp phép (bao gồm quản lý, giám sát về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phi biên vũ khí hủy diệt hàng loạt); yêu cầu tổ chức nước ngoài cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về nhận biết khách hàng, lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo và đảm bảo bí mật thông tin, hồ sơ, tài liệu báo cáo theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phi biên vũ khí hủy diệt hàng loạt của Việt Nam hoặc các khuyến nghị liên quan của Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính (FATF).

(iii) Hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức nước ngoài phải bao gồm tất cả nội dung bắt buộc.

(iv) Tổ chức nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ TGTG cho khách hàng là người không cư trú và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam để thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam không được thanh toán trực tiếp cho tổ chức cung ứng dịch vụ TGTG.

(b) Giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài

Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ TGTG (trừ tổ chức cung ứng dịch vụ CMTC) cung ứng dịch vụ cho khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài:

(i) Tổ chức cung ứng dịch vụ TGTG phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được NHNN chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế) về việc thực hiện thanh toán, quy tắc toán các giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.

(ii) Tổ chức cung ứng dịch vụ TGTG phải có biện pháp giám sát để đảm bảo việc thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài thông qua dịch vụ TGTG là hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật

và quản lý ngoại hối.

(c) Quy định nội bộ khi hợp tác cung ứng dịch vụ TGTG có yêu cầu từ nước ngoài

Khi hợp tác với tổ chức cung ứng dịch vụ TGTG, ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng các quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tuân thủ quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phi biên vũ khí hủy diệt hàng loạt; và kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ liên quan đến các giao dịch thực tế để đảm bảo việc thanh toán bằng ngoại tệ và thanh toán quốc tế thực hiện đúng mục đích, tuân thủ quy định của pháp luật và quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

—